|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BẮC KẠN  **SỞ TÀI CHÍNH**  Số: /TTr-STC  **DỰ THẢO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**  *Bắc Kạn, ngày tháng năm 2021* |

**TỜ TRÌNH**

**Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh Quy định mức thu và thời hạn xác định nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34*[*/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-34-2016-ND-CP-quy-dinh-chi-tiet-bien-phap-thi-hanh-luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-312070.aspx) *ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ;*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh *(UBND tỉnh)* ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định mức thu và thời hạn xác định nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

Trên cơ sở Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đổi mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 về việc ban hành quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Tuy nhiên, ngày 11/7/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ, trong đó có sửa đổi, bổ sung một số nội dung như: Bổ sung quy định việc nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa là một thành phần của bộ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai; quy định trình tự, thời gian tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả và biểu mẫu cụ thể; quy định cơ quan xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa là cơ quan tài nguyên và môi trường; quy định cơ quan xác định số tiền phải nộp để bảo vệ phát triển đất trồng lúa và thông báo số tiền phải nộp là cơ quan tài chính *(Sở Tài chính, phòng Tài chính - Kế hoạch)* và bổ sung quy định sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa, hỗ trợ liên kết sản xuấy, tiêu thụ sản phẩm.

Như vậy, một số nội dung theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ và tình hình thực tế tại địa phương. Do đó, việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết và phù hợp với quy định.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

**1. Mục đích:** Làm căn cứ cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc nộp, thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đảm bảo chặt chẽ, thuận lợi và theo đúng quy định.

**2. Quan điểm**: Xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tài chính xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Trên cơ sở Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ, Sở Tài chính đề nghị xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Thực hiện Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, Sở Tài chính giao cho Phòng Quản lý ngân sách xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; gửi dự thảo Quyết định cho Lãnh đạo Sở xem xét, cho ý kiến. Trên cơ sở ý kiến của Lãnh đạo Sở, phòng Quản lý ngân sách chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Quyết định, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính theo quy định; đồng thời, gửi văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham gia ý kiến đối với dự thảo Quyết định.

3. Trên cơ sở ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử và ý kiến góp ý bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Quyết định, gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

4. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét, ban hành.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUYẾT ĐỊNH**

**1. Bố cục**: Dự thảo Quyết định bố cục theo hình thức quy định trực tiếp gồm 02 Điều:

- **Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

- **Điều 2.** Hiệu lực thi hành.

**2. Nội dung sửa đổi, bổ sung của quyết định**:

2.1. Nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 như sau:

+ Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất phải lập bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước được nhà nước giao, cho thuê theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ *(Theo Quyết định 24/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh thì người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm kê khai số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê đất theo biểu số 02)*.

+ Bổ sung quy định cơ quan có trách nhiệm xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa là cơ quan tài nguyên và môi trường; quy định cụ thể về thời hạn tiếp nhận và trả kết quả.

+ Bổ sung quy định người được nhà nước giao đất, cho thuê đất gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính đề nghị xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị xác nhận số tiền phải nộp theo mẫu quy định tại Phụ lục IV *(đối với cơ quan, tổ chức)* hoặc Phụ lục V *(đối với hộ gia đình, cá nhân)* ban hành kèm theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

+ Sửa đổi thời hạn xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất của cơ quan tài chính *(từ 7 ngày xuống còn 5 ngày)*; bổ sung mẫu Thông báo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

+ Sửa đổi thời hạn nộp tiền vào ngân sách nhà nước đối với người được nhà nước giao đất, cho thuê đất sau khi nhận được thông báo *(từ 3 ngày lên 30 ngày làm việc)*; bổ sung quy định sau thời hạn thông báo, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo quy định của Pháp luật về quản lý thuế.

+ Bổ sung quy định việc nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5, được thực hiện là một thành phần của bộ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai; quy định việc nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa phải thực hiện trước khi quyết định chuyển mục đích sử dụng đất *(theo Quyết định 24/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định nộp tiền sau khi nhận được Quyết định giao đất, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền)*.

2.2. Bổ sung Điều 5a **“Điều 5a. Sử dụng kinh phí do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp vào ngân sách để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa”**

Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa quy định: Ủy ban nhân dân các cấp sử dụng kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 35/2015/NĐ-CP để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, địa phương sẽ quyết định thực hiện, trong đó sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Do đó, cần phải bổ sung quy định cụ thể về sử dụng kinh phí (50%) hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2.3. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 6, giao trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện việc thu, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

*(Chi tiết nội dung tại dự thảo Quyết định kèm theo)*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh Quy định mức thu và thời hạn xác định nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Gửi kèm theo Tờ trình này: (i) Dự thảo Quyết định; (ii) Bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; (iii) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (iv) Các tài liệu có liên quan)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *Gửi bản điện tử, bản giấy:*  - UBND tỉnh (Quyết định).  *Gửi bản điện tử:*  - Lãnh đạo Sở;  - Lưu: VT, P.QLNS (Tươi) | **Q. GIÁM ĐỐC** **Hoàng Thị Hằng** |